

xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, huyện K.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Y Thân M, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C (văn bản uỷ quyền ngày 08/8/2019), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong Đơn khởi kiện ngày 16/7/2019 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Phan Ngọc H trình bày: Năm 2000, Ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Trần Thị P lô đất có diện tích 400m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 6, tại Buôn M, xã C, huyện K; Đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Diện tích đất nhận chuyển nhượng có tứ cận: hướng Đông giáp đất của bà P; hướng Tây giáp đất của ông Sơn; hướng Nam giáp đường nhựa; hướng Bắc giáp đồi.

Sau khi nhận chuyển giao đất từ vợ chồng bà P, Ông quản lý sử dụng đất; Ngày 01/3/2018, Ông xây dựng căn nhà ở cấp bốn trên đất, có diện tích 9m x 14m. Do lô đất không bằng phẳng, phía sau giáp đồi nên trước khi xây dựng, ông làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã C và Ủy ban nhân dân huyện K xin phép được mức đất phía sau để làm nhà ở.

Quá trình Ông xây dựng nhà ở từ ngày 01/3/2018 đến ngày 13/4/2018, không bị cơ quan có thẩm quyền ngăn cản hoặc lập biên bản vi phạm hành chính về việc xây dựng nhà ở. Tuy nhiên, ngày 13/4/2018, Ủy ban nhân dân xã C đã tiến hành cưỡng chế tháo dỡ căn nhà của Ông, gây thiệt hại cho gia đình Ông 250.000.000 đồng. Ông làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã C, ngày 13/9/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 197/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của Ông.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, Ông tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện K. Ngày 07/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND có nội dung không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của Ông, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 197/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C.

Việc Ủy ban nhân dân xã C không lập Biên bản vi phạm hành chính đối với Ông trong việc xây dựng nhà ở, không tổng đạt cho Ông Quyết định cưỡng chế nhưng tiến hành cưỡng chế tháo dỡ căn nhà của Ông là trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 414/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K; Huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 197/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C; Buộc Ủy ban nhân dân xã C phải bồi thường thiệt hại cho gia đình Ông 250.000.000 đồng. Tại phiên toà, Ông yêu cầu bồi thường thiệt hại 237.000.000 đồng.

- Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban

nhân dân xã C, huyện K trình bày: Diện tích đất mà ông Phan Ngọc H xây dựng nhà ở thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 106, có diện tích 3.608,9m², tại xã C, huyện K. Theo bản đồ địa chính tại Ủy ban nhân dân xã C thì thửa đất nêu trên là đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì vị trí đất mà ông H xây dựng nhà ở được quy hoạch sử dụng là đất quốc phòng.

Ngày 05/4/2018, Đoàn kiểm tra của Ủy ban nhân dân xã C tiến hành kiểm tra và lập biên bản về việc xây dựng nhà ở trái phép tại vị trí ông H xây dựng nhà ở thuộc Buôn M 3, xã C nhưng không xác định được người vi phạm. Ngày 05/4/2018, Ủy ban nhân dân xã C tiến hành xác minh người xây dựng căn nhà nêu trên nhưng không xác định được người vi phạm. Cũng trong ngày 05/4/2018, Ủy ban nhân dân xã C ban hành Quyết định số 81/QĐ-KPHQ về việc áp dụng khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu trước khi vi phạm; Thông báo số 23/TBUBND, thông báo cho chủ đầu tư xây dựng nhà trái phép trên đất lâm nghiệp, tạm dừng việc xây dựng và đến Ủy ban nhân dân xã C để giải quyết. Thông báo được giao cho Buôn trưởng Buôn M 3 để thực hiện.

Do không xác định được đối tượng vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính, ngày 13/4/2018 Ủy ban nhân dân xã C tiến hành thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là tháo dỡ căn nhà xây dựng trái phép nêu trên được quy định tại khoản 4 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Sau khi nhận Đơn khiếu nại của ông Phan Ngọc H, Ủy ban nhân dân xã C đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của ông H và tiến hành đối thoại với ông H. Xét thấy, nội dung ông H khiếu nại là không có căn cứ, ngày 13/9/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C ban hành Quyết định số 197/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông H và không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông H. Việc ông H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C và yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C bồi thường thiệt hại là không có căn cứ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K trình bày:* Ngày 05/10/2018, Ủy ban nhân dân huyện K nhận đơn khiếu nại của ông Phan Ngọc H đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 197/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C; Ngày 28/11/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 3531/QĐ-UBND về việc giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện K tiến hành xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông H và tiến hành đối thoại với ông H vào ngày 21/02/2019; Xét thấy Đơn khiếu nại của ông H không có căn cứ, ngày 07/3/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông H: Không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông H và giữ nguyên Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân xã C; Việc ông H khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2019/HC-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Khoản 1 Điều 30, Điều 31 Luật đất đai năm 1993; Điều 10, điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; điểm a khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 65, khoản 4 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật khiếu nại; Khoản 1 Điều 26, Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc H về việc hủy Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Ngọc H và buộc Ủy ban nhân dân xã C phải bồi thường thiệt hại 237.000.000 đồng.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc H về việc hủy Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Ngọc H.

3. Về án phí: Ông Phan Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm và 11.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002524 ngày 22/7/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, ông H còn phải nộp 11.850.000 đồng tiền án phí.

Ngày 26/11/2019, người khởi kiện ông Phan Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 13/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-HC đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không tuyên buộc ông Phan Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 11.850.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Phan Ngọc H giữ nguyên nội dung khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-HC ngày 13/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Ông Phan Ngọc H cũng như quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc H hủy Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, buộc Ủy ban nhân dân xã C phải bồi thường cho ông H số tiền bị thiệt hại là 237.000.000 đồng và hủy Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K để bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp cho gia đình ông H. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện còn đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-HC ngày 13/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phan Ngọc H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K có văn bản xin xét xử vắng mặt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C vắng mặt. Đây là phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai đã được triệu tập hợp lệ cho các đương sự; người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt người bị kiện. Xét việc vắng mặt của người bị kiện không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về phần nội dung: Vợ chồng ông Y Hưng M không có giấy tờ gì chứng minh nguồn gốc đất của mình nhưng ngày 02/3/1997 đã viết giấy sang nhượng đất cho vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị P không có chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngày 07/5/2000 vợ chồng ông T viết giấy sang nhượng đất ở cho vợ chồng ông Phan Ngọc H, bà Hoàng Thị Đông cũng không có chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Diện tích đất sang nhượng trên là đất lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Do đó, việc chuyển nhượng của vợ chồng ông Phan Ngọc H đã vi phạm khoản 1 Điều 30, Điều 31 Luật đất đai năm 1993.

Ngày 05/4/2018, Đoàn kiểm tra của Ủy ban nhân dân xã C lập Biên bản vi phạm hành chính về việc ông H xây dựng nhà ở trên đất lâm nghiệp. Do không xác định được đối tượng vi phạm nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định số 81/QĐ-KPHQ về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm do hành vi lấn, chiếm đất lâm nghiệp xây dựng nhà ở là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 13/4/2018, Ủy ban nhân dân xã C tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả, tháo dỡ căn nhà của ông H xây dựng trên đất lâm nghiệp là đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Không đồng ý thi hành biện pháp khắc phục hậu quả trên ông H làm đơn khiếu nại. Ngày 13/9/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C ban hành

Quyết định số 197/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông H và không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông H. Ông H tiếp tục khiếu nại. Ngày 07/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 414/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông H, là không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông H và giữ nguyên Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C.

Như đã phân tích ở trên cho thấy, ông Phan Ngọc H nhận chuyển nhượng đất của người khác không có giấy tờ, xây dựng nhà trái phép trên đất lâm nghiệp nên việc khiếu nại của ông H đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K giải quyết tại các quyết định nói trên là có cơ sở.

Ngoài yêu cầu hủy các quyết định giải quyết khiếu nại, ông H còn yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã C phải bồi thường thiệt hại số tiền 237.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc H là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phan Ngọc H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thì thấy: Ngoài việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính, ông Phan Ngọc H còn yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân xã C phải bồi thường thiệt hại cho ông H với số tiền 237.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông H nên buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 30, khoản 6, khoản 7 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng rút toàn bộ Kháng nghị nói trên của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 229 Luật tố tụng hành chính đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, người khởi kiện ông Phan Ngọc H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 229 Luật tố tụng hành chính. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-HC ngày 13/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Phan Ngọc H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Khoản 1

Điều 30, Điều 31 Luật đất đai năm 1993; Điều 10, điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 102/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ; điểm a khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 65, khoản 4 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính; các Điều 29, 30, 31, 38, 39, 40 Luật khiếu nại; khoản 1 Điều 26, khoản 3 Điều 30, khoản 1, khoản 6, khoản 7 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc H về việc: Hủy Quyết định số 197/QĐ-UBND ngày 13/9/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C và Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Phan Ngọc H, buộc Ủy ban nhân dân xã C phải bồi thường thiệt hại cho ông Phan Ngọc H số tiền 237.000.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Phan Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm và 11.850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ 600.000 đồng ông H đã nộp tại các Biên lai thu tiền số 0002524 ngày 22/7/2019 và số 0007406 ngày 04/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk, ông H còn phải nộp 11.850.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Liêm